## VAI TRÒ THÔNG TIN VÀ MỨC PHÍ DÙNG ĐỂ PHÁT TÍN HIỆU HIỆU QUẢ.

Ở phần trên chúng ta đã vừa xây dựng được một thị trường tội phạm, ở đó nhà nước đóng vai trò là nguồn cung, đặt ra những mức phí phạt để trừng trị những tên phạm tội. Tuy nhiên, một trong những vấn đề cần thiết trong việc thiết lập nên hệ thống cản trở những hành vi phạm tội không thể chỉ dựa vào mức phí phạt dựa trên hành vi phạm tội. Điều cần thiết đó là chúng ta phải có hành động chặn trước những hành vi vi phạm, và những phản ứng của hành vi chính sách của nhà nước được phân tích ở trên không phải là để xem kẻ phạm tội vi phạm ra sao mà phạt, mà đó phải là những mức phạt mà kẻ vi phạm đã biết trước trong quá trình nung nấu ý định phạm tội, để chúng có thể phân tích được lợi ích và chi phí phải bỏ ra, để từ đó quyết định nên từ bỏ hành vi phạm tội. Vì vậy, việc đưa ra mức phạt phải đóng vai trò là một thông tin đi trước và phản hồi cho tội phạm biết được chi phí của hành vi của mình.

Mức phạt được đưa ra phải đóng góp được hai vai trò dưới dạng thông tin, thứ nhất đó là mức răn đe dành cho những kẻ mong muốn thực hiện hành vi phạm tội, đó là một mức phạt mà chúng phải đắn đo cân nhắc thử xem việc mình vi phạm sẽ dẫn đến hậu quả như thế nào, và từ mức phạt đó sẽ làm cho chúng chùn bước trong suy nghĩ về hành vi trái pháp luật của mình. Thứ hai, mức phạt được đưa ra phải đóng vai trò thông tin khuyến khích kẻ có hành vi vi phạm khi bị phát hiện sẽ tự giác đầu thú. Như chúng ta đã phân tích ở trên, luôn có một mức phí lớn nhất mà tại đó, nhà nước không thể nào có thể đưa ra được một mức phạt cao hơn nữa, nếu làm một mức phạt cao hơn sẽ kéo theo sự đi lên theo của đường cầu, đó là khi tên phạm nhân cảm thấy mình phải có những hành động để tránh được mức phạt mà mình không thể trả đủ, và sa vào những tội nghiêm trọng hơn, hoặc là những hành vi trốn thoát tinh vi hơn. Ví dụ như ta không thể nào tuyên bố rằng, ăn cướp sẽ bị tử hình, bởi vì như vậy chỉ khiến những hành vi ăn cướp trở nên liều lĩnh hơn, tinh vi hơn và táo bạo hơn. Không ai có thể chắc chắn được mình sẽ được toàn mạng khi đối diện một tên cướp khi chính hắn biết nếu ta khai báo với công an thì lẽ dĩ nhiên rằng hắn phải chết. Hay ví dụ thiết thực hơn đó là phạt cho hành vi vi phạm giao thông, một người tham gia vi phạm đương nhiên sẽ chọn hành vi hối lộ cho cảnh sát nếu mức phí phạt kèm theo đó là văn bản xử phạt hành chính và kể cả quá trình đi nộp phạt, những công việc này nếu quy ra tiền như chúng ta nói ở trên thì có lẽ sẽ lớn hơn nhiều so với vài trăm ngàn cho việc hối lộ.

Phân tích mức phạt ở vai trò là một thông tin như thế này cho ta thấy một góc nhìn khác. Ở đây, mức phạt vừa tỏ ra là một công cụ hữu hiệu để răn đe nhưng kèm theo đó cũng là một con dao hai lưỡi khi trở thành nguyên nhân khiến tình hình thêm nghiêm trọng. Như vậy, chúng ta phải đưa ra một mức phạt như thế nào? Và chúng ta phải phạt như thế nào mới thỏa đáng được tình hình?

Chúng ta biết rằng trong bất kể thị trường nào, kể cả thị trường tội phạm thì đều tồn tại những nhóm người tiêu dùng có những hàm cầu khác nhau, và nhà nước đóng vai trò là nhà cung cấp mức phạt độc quyền, điều này hoàn toàn chấp nhận được vì không ai ngoài nhà nước có khả năng ban hành luật, phải làm cách nào để thu được thặng dư tiêu dùng lớn nhất của người tiêu dùng. Trong thị trường bình thường thì để nhà cung cấp độc quyền đạt được lợi nhuận lớn hơn, còn trong trường hợp thị trường tội phạm, đó là khiến cho mức phí và mức giá sẵn lòng trả của người phạm tội chênh lệch ngày càng ít. Tuy nhiên, nhà nước dĩ nhiên không biết được những nhóm người đang âm mưu phạm tội đó thuộc vào đường cầu nào, và bản thân những kẻ phạm tội cũng sẽ không cho nhà nước biết mình thuộc vào nhóm phạm tội nào. Trong trường hợp này nhà nước tốt nhất là nên đưa ra một mức phí chung dựa trên mức độ phạm tội và cho phép kẻ âm mưu lựa chọn. Và đó chính là lý thuyết về định giá cấp hai của kinh tế học.

f+ △f

O2

Z

P, f

A

W

F

G

MC

O

f

X

Y

T

**Hình 4.2‑1: Định giá cấp 2**

Chúng ta giả sử rằng có hai nhóm người tội phạm với hai hàm cầu khác nhau và độ co giãn theo giá là khác nhau (Hình 4.2-1). Trong hình thì tội phạm 1 và tội phạm 2 đại diện cho những kẻ phạm tội trong mỗi nhóm. Tội phạm 2 sẽ luôn sẵn sàng phạm tội nhiều hơn tội phạm 1 ở bất kỳ mức phí nào, ở bất kỳ mức phạm tội nào thì độ co giãn theo mức phí của tội phạm 2 cũng cao hơn tội phạm 1. Với định giá cấp 2 thì cơ quan công quyền cần đưa ra mức phí cố định chung cho hai nhóm tội phạm. Vậy cần đưa ra mức phí như thế nào?

O1

Nếu mức phạt là fAG thì tội phạm 2 sẽ bị tước hết lợi ích, tuy nhiên đối với tội phạm 1 thì mức phí này lại quá cao, và khi việc định ra mức fmax chưa thể cho kết quả, thì ta cũng không nên mạo hiểm khi định ra mức phí này.

Ngược lại nếu chỉ định mức phí chỉ là fFA để đảm bảo tội phạm 1 không cảm thấy quá khó khăn cho việc đầu thú nếu phạm tội thì lại có thể không thể răn đe tốt được cho tội phạm 2.

Với cách định giá ở bất kỳ mức phạt cố định nào ở trên đều đem lại những kết quả không thể gọi là như mong muốn được. Tuy nhiên, định giá cấp 2 sẽ cho ta câu trả lời này, đầu tiên người cung sẽ dựa vào tội phạm 1 để đưa ra mức phạt cố định là W nếu tham gia phạm tội và tùy theo tình tiết mà sẽ tăng thêm f+△f cho mỗi hành vi tăng thêm, như vậy tội phạm 1 chỉ phạm tội ở mức O1 và phải chịu mức phí là W+X, và vì lợi ích của họ sẽ âm khi mức độ phạm tội vượt quá O1, và nó cũng mang ý nghĩa là nếu tội phạm 1 phạm lỗi thì đây cũng là mức phạt cố định đảm bảo tội phạm 1 nhìn vào sẽ dễ dàng chấp nhận chịu tội. Đối với tội phạm 2 thì sẽ phạm tội ở O2 và mức phí phải nộp là W+X+Y+Z, như vậy tội phạm 2 vẫn còn phần lợi dư ra là T, tuy không cảnh cáo được triệt để nhưng dù sao đây cũng là mức cảnh cảo chấp nhận được vì nó răn đe tốt hơn là khi chỉ thu mức phí là fFA thì lợi ích dư ra cho tội phạm 2 là diện tích tam giác AFG.

f+ △f

O2

Z

P, f

A

W

F

G

MC

O

f

X

Y

T

O1

**Hình 4.2‑2: Sự không hiệu quả khi định phí cao**

Định giá đơn vị tại vị trí f+△f cũng là vị trí tối ưu nhất. Tại sao lại như vậy? Nếu định giá thấp hơn f+△f, ta dễ nhận thấy kể cả tội phạm 1 và tội phạm 2 đều có lý do để phạm tội ở những mức độ cao hơn O1 và O2, vì chi phí bỏ ra để thực hiện hành vi phạm tội là rẻ hơn. Còn nếu định giá ở mức cao hơn f+△f thì ta sẽ được như hình 4.2-2.

Mức độ phạm tội của cả hai nhóm đều đã giảm xuống ở những mức thấp hơn, tuy nhiên ta có thể thấy rằng mức này cũng không hiệu quả. Chúng ta biết rằng tội phạm 1 chỉ dám phạm tội ở mức O1, và mức phí thu được chỉ là W+X, nếu chúng ta không định giá thì lợi ích thu được tại mức phí f sẽ là diện tích tam giác AfF, như vậy chúng ta đã mất đi phần Y và phần in đậm. Ở hình 4.2-1, ta nhận thấy phần in đậm sẽ nằm trong Y và khi đó Y=Z, như vậy khoản lợi ích đáng ra được thu ở tội phạm 1 được bù đắp bởi tội phạm 2, tuy nhiên ở hình này ta thấy rằng Z < Y + in đậm, như vậy thì lợi ích từ tội phạm 2 không thể bù được khoản thất thu từ tội phạm 1. Điều này có ý nghĩa gì? Chúng ta phải hiểu rằng, mức phí f ở đây là giá trị quy ra tiền của những mức án phạt, nghĩa là nó không chỉ đứng về phía cầu là mức phí thôi, mà bên cạnh đó về phía cung cũng chính là chi phí bỏ ra để đặt ra những hình phạt này, đó là những phí như điều hành nhà tù nếu mức phạt là tù, chi phí đạn dược, thuốc độc nếu đó là án tử hình. Tất cả những phương án phạt này đều có chi phí cả, và việc đưa ra những phương án không chỉ là làm giảm đi tội phạm cả về lượng và chất, mà bên cạnh đó là phải thể hiện được sự hiệu quả đối với xã hội. Phần in đậm chính là đại diện cho sự không hiệu quả đó, khi mà các chính sách đã tỏ ra đánh giá thái quá tình hình tội phạm và đưa ra cái giá phải trả là quá nhiều, nó cũng sẽ kéo theo những chi phí kèm theo không đáng có, mà nếu không có nó chúng ta có thể đem sử dụng cho những mục đích khác thiết thực và hiệu quả hơn.

Như vậy, chúng ta có thể thấy việc sử dụng định giá cấp 2 là một phương án tốt cho việc định ra mức phạt cho tội phạm. Việc này như một cách phát tín hiệu cho tội phạm rằng việc hắn phạm tội sẽ đưa đến một kết quả vừa xấu, nhưng cũng đủ để nếu tội phạm đã gây án cũng sẽ chịu đầu thú hoặc chịu tội khi điều tra. Thật ra, trong thực tiễn phương án này hiện nay đã được sử dụng rất nhiều và phổ biến, nó được thể hiện dưới dạng khung hình phạt cho những hành vi phạm tội. Những hành vi vi phạm pháp luật luôn có mức phạt cố định kèm theo đó là những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho các đối tượng phạm tội. Phân tích ở trên vừa đóng vai trò là đưa ra giải pháp vừa cũng là để giải thích và chứng minh cho một phương án tương tự đã được hình thành. Ở đây, chúng ta cần phải hiểu đó là việc đưa ra nhiều mức phạt, với từng đối tượng tội phạm cụ thể sẽ đem lại hiệu quả tích cực cho vấn đề tội phạm. Đừng nên quá cứng nhắc, duy ý chí trong việc trừng phạt vì nó sẽ đem lại hiệu quả kém.

Phân tích ở trên cũng chỉ ra một điểm khó khăn trong việc tiến hành giảm tỷ lệ tội phạm, việc đưa ra mức phạt chung về lý thuyết chỉ là giả định có hai nhóm tội phạm. Tuy nhiên, trong thực tế điều này thường không xảy ra, khi mà lợi ích của vấn đề tội phạm dưới góc độ đánh giá của mọi người là rất khác nhau, nó phụ thuộc vào rất nhiều vào những gì mà họ đạt được và bỏ ra khi quyết định. Như vậy, việc gì khiến cho lợi ích đạt được khác nhau? Chúng ta không thể kể hết được những tác nhân này, thế nhưng một trong những tác nhân quan trọng và được mọi người công nhận chính là vấn đề bất bình đẳng trong phân phối lợi ích, mà điển hình và dễ thấy nhất chính là bất bình đẳng thu nhập. Bất bình đẳng thu nhập khiến cho việc phân tích lợi ích của mọi người là rất khác nhau khi cái lợi thu được là không đồng nhất. Người giàu có thể cảm thấy cái giá cho việc phạm tội là quá rẻ nên sẽ không e dè cho việc phạm tội, kẻ nghèo thì có thể đánh giá việc cái giá đưa ra là quá đắt dẫn đến những hành vi liều lĩnh. Hoặc ngược lại, người giàu cảm thấy việc giành thời gian trong tù là cái giá quá đắt khi chi phí cơ hội cho tự do là rất cao thì sẽ cố gắng hối lộ đút lót cho cơ quan công quyền, trong khi người nghèo nghĩ rằng chi phí cơ hội khi ở bên ngoài là quá rẻ khi bản thân họ không biết làm gì để đem lại thu nhập tốt hơn là việc ăn trộm hay buôn bán ma túy. Phân tích ở đây để chúng ta có thể thấy sự khó khăn nếu những từng lớp thu nhập quá cách xa nhau, nó khiến cho nhà nước khó mà đưa một mức phí chung cho việc giảm thiểu tình hình tội phạm.